

CÔNG TY CỔ PHẦN META TECH ENVI VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN META TECH ENVI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: META TECH ENVI VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: META TECH ENVI VIET NAM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110023169

3. Ngày thành lập: 08/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 99 Đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979086614

Fax:

Email: metatechvietnam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn và bán lẻ pin, ắc quy	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn và bán lẻ pin, ắc quy	4543

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; (Điều 32, Điều 33 Luật dược 2016) - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4659
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
26.	Trồng lúa	0111
27.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
28.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
29.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm; - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
30.	Trồng cây ăn quả	0121
31.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
32.	Trồng cây lâu năm khác	0129
33.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
34.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
35.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
36.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
37.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
38.	Khai thác gỗ (trừ loại cưa)	0220
39.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ loại cưa)	0231
40.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ (trừ loại cưa)	0232
41.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
42.	Khai thác thủy sản biển (trừ loại cưa)	0311

43.	Khai thác thủy sản nội địa (trừ loại cấm)	0312
44.	Nuôi trồng thủy sản biển (trừ loại cấm)	0321
45.	Nuôi trồng thủy sản nội địa (trừ loại cấm)	0322
46.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
47.	Khai thác và thu gom than non	0520
48.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động báo chí)	8230
49.	Dịch vụ đóng gói	8292
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
51.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
52.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
53.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
54.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phòng viên ảnh)	7420
55.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Đánh giá tác động môi trường; - Tư vấn giấy phép môi trường; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về công nghệ khai thác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý; - Quan trắc, phân tích môi trường; - Phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ môi trường; - Tư vấn đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường; - Giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ; - Giám định thiệt hại về môi trường, giám định sức khỏe môi trường.	7490
56.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
57.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
58.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
59.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

61.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
62.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
63.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
64.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
65.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
66.	Khai thác muối	0893
67.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (trừ loại cấm)	0899
68.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
69.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
70.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
71.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
72.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
73.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
74.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
75.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
76.	Sản xuất đường	1072
77.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
78.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
79.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
80.	Sản xuất chè	1076
81.	Sản xuất cà phê	1077
82.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
83.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
84.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
85.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
86.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
87.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
88.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
89.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
90.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
91.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
92.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
93.	In ấn (trừ loại cấm)	1811
94.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
95.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011

96.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
97.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
98.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
99.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
100.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
101.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
102.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
103.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
104.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
105.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
106.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
107.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
108.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
109.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
110.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
111.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
112.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng)	2420
113.	Đúc sắt, thép	2431
114.	Đúc kim loại màu (Trừ vàng)	2432
115.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
116.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
117.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
118.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
119.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
120.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
121.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
122.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
123.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
124.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
125.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
126.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
127.	Sản xuất đồng hồ	2652

128.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
129.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
130.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
131.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
132.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
133.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
134.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
135.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
136.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng.	2790
137.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
138.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
139.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
140.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
141.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
142.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
143.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
144.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
145.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
146.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
147.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
148.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
149.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
150.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
151.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
152.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
153.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng hóa hàng không)	5229

154.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
155.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
156.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
157.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
158.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
159.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
160.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
161.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
162.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
163.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
164.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
165.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
166.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: + Sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại, + Sửa chữa và bảo dưỡng đường ống, + Sửa chữa hàn cơ động, + Sửa chữa các thùng hàng hóa bằng thép của tàu thủy, + Sửa chữa và bảo dưỡng các máy phát chạy hơi nước và khí khác. + Sửa chữa và bảo dưỡng các bộ phận phụ cho việc sử dụng máy phát chạy hơi nước như: Tủ điện, bộ phận tiết kiệm (xăng...), nồi đun sôi, bộ thu nhiệt, ắc quy;	3311
167.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
168.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
169.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: - Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt, - Sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện và bộ mô tơ máy phát điện, - Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi, - Sửa chữa và bảo dưỡng các rơle và bộ điều khiển công nghiệp, - Sửa chữa và bảo dưỡng pin và ắc quy, - Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng, - Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện	3314(Chính)
170.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
171.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

172.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
173.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
174.	Thu gom rác thải không độc hại (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3811
175.	Thu gom rác thải độc hại (Không chứa, phân loại, xử lý, tái chế rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3812
176.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (Chỉ được xử lý và tiêu huỷ sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	3821
177.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Chỉ được xử lý và tiêu huỷ sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	3822
178.	Tái chế phế liệu (Chỉ được xử lý và tiêu huỷ sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)	3830
179.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.	3900
180.	Phá dỡ (trừ hoạt động nổ mìn)	4311
181.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)	4312
182.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
183.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
184.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

185.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; (Điều 32, Điều 33 Luật dược 2016) - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4772
186.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 450.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM VĂN PHỞ	Thôn Đồng Hàn, Xã Hồng Lĩnh, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	40,000	034053016015	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	40,000		

2	DƯƠNG VĂN SINH	Tổ 3, Khu phố 6, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	50,000	074087002059	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	50,000		
3	PHẠM THỊ LOAN	Thôn Thần Khê, Xã Thăng Long, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	10,000	034182000127	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	45.000	450.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DƯƠNG VĂN SINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 26/02/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 074087002059

Ngày cấp: 20/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 3, Khu phố 6, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 3, Khu phố 6, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội